

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 31/2007/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2007

**NGHỊ ĐỊNH**  
**về xử phạt vi phạm hành chính**  
**trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp,*

**NGHỊ ĐỊNH:**

Chương I

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức phạt các biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm.

Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp;

quản lý hóa chất Bảng thuộc Nghị định số 100/2005/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ về thực hiện Công ước cấm phát triển sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học và hóa chất gây bức xạ không chịu sự điều chỉnh của Nghị định này.

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm là hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hóa chất nguy hiểm mà không phải là tội phạm, theo quy định của Nghị định này phải bị xử phạt vi phạm hành chính, bao gồm:

1. Vi phạm các quy định về nghiên cứu, thử nghiệm, sản xuất hóa chất nguy hiểm.

2. Vi phạm các quy định về khai báo hóa chất nguy hiểm.

3. Vi phạm các quy định về đánh giá rủi ro hóa chất.



4. Vi phạm các quy định về phiếu an toàn hóa chất nguy hiểm.

5. Vi phạm các quy định về ghi nhãn hóa chất nguy hiểm.

6. Vi phạm các quy định về bảo quản hóa chất nguy hiểm.

7. Vi phạm các quy định về vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

8. Vi phạm các quy định về kinh doanh và cung ứng, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất nguy hiểm.

9. Vi phạm các quy định về sử dụng hóa chất nguy hiểm.

10. Vi phạm các quy định về điều kiện của người có liên quan tới các hoạt động hóa chất nguy hiểm.

11. Vi phạm các quy định về vành đai an toàn khu vực có hoạt động hóa chất nguy hiểm.

12. Vi phạm các quy định về công tác bảo vệ khu vực có hoạt động hóa chất nguy hiểm.

13. Vi phạm về báo cáo an toàn hóa chất.

14. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm nếu có liên quan đến lĩnh vực khác sẽ bị xử phạt theo quy định xử phạt hành chính của Chính phủ trong lĩnh vực đó.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực

quản lý hóa chất nguy hiểm quy định tại Chương II Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm quy định tại Chương II Nghị định này trong phạm vi lãnh thổ, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

3. Người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm bị xử phạt theo quy định tại Điều 7 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

## **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Hóa chất” là các nguyên tố hóa học và các hợp chất của chúng, tồn tại ở dạng tự nhiên hoặc được tạo ra trong quá trình sản xuất, thông qua các phản ứng hóa học, các quá trình lý học và quá trình sinh học.

2. “Hóa chất nguy hiểm” là hóa chất độc và hóa chất có thể gây nổ, gây cháy, gây ăn mòn mạnh; ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người và tài sản, gây hại cho động, thực vật, môi trường và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh quốc phòng.

3. “Sản xuất hóa chất nguy hiểm” là quá trình chế tạo ra hóa chất nguy hiểm.



4. “Sử dụng hóa chất nguy hiểm” là quá trình đưa hóa chất nguy hiểm ra dùng trong thực tế nhằm đạt được mục đích nhất định trong các hoạt động kinh tế (sản xuất, xây dựng, điều tra cơ bản, đào tạo, nghiên cứu khoa học...), theo một quy trình công nghệ đã được xác định.

5. “Mua bán, cung ứng hóa chất nguy hiểm” là quá trình thực hiện hợp đồng mua bán, vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

6. “Bảo quản hóa chất nguy hiểm” là quá trình cất giữ hóa chất nguy hiểm tại kho chứa, các thùng, bồn chuyên dụng chứa hóa chất tại địa điểm cất giữ.

7. “Nghiên cứu chế thử hóa chất nguy hiểm” là quá trình chế tạo ra sản phẩm hóa chất nguy hiểm mới. Nghiên cứu chế thử có thể bao gồm toàn bộ quá trình tạo ra sản phẩm hoặc chỉ một trong những bước của quá trình để xác định thành phần, quy trình công nghệ, dây chuyền thiết bị...

8. “Hoạt động hóa chất nguy hiểm” là việc thực hiện các hoạt động liên quan đến đầu tư, nghiên cứu chế thử, thử nghiệm, sản xuất, bảo quản, vận chuyển, cung ứng và sử dụng hóa chất nguy hiểm.

**Điều 4.** Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm

1. Tất cả các hành vi vi phạm hành

chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm phải được phát hiện kịp thời và phải bị đình chỉ ngay. Việc xử phạt phải được tiến hành nhanh chóng, công minh, triệt để; mọi hậu quả do vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm gây ra phải được khắc phục theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm phải do người có thẩm quyền quy định tại Chương III Nghị định này thực hiện theo quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm khi có hành vi vi phạm các quy định tại Chương II Nghị định này.

3. Một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm chỉ bị xử phạt một lần. Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm; nếu các hình thức xử phạt là phạt tiền thì phải được cộng lại thành mức phạt chung. Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt.

4. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân và những tình tiết



giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng để quyết định hình thức, biện pháp xử phạt thích hợp. Các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng được áp dụng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 6 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 11 năm 2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

5. Không xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm trong các trường hợp thuộc tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ hoặc vi phạm hành chính trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

**Điều 5.** Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm là một năm, kể từ ngày vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm được thực hiện; nếu quá thời hạn trên thì không xử phạt nhưng vẫn bị áp dụng các biện pháp được quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này để khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm gây ra.

2. Đối với cá nhân đã bị khởi tố, truy

tố hoặc đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án của cơ quan có thẩm quyền mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm thì bị xử phạt hành chính. Trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là ba tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ và hồ sơ vụ vi phạm.

3. Trong thời hạn được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này nếu cá nhân, tổ chức lại thực hiện vi phạm hành chính mới trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm được tính lại kể từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

4. Thời hiệu được quy định theo tháng hoặc theo năm thì khoảng thời gian đó được tính theo tháng, năm dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ theo quy định của Bộ luật Lao động.

**Điều 6.** Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính

1. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa



chất nguy hiểm nếu qua một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không thực hiện hành vi vi phạm thì được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đó.

2. Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt hành chính được tính theo năm dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ theo quy định của Bộ luật Lao động.

**Điều 7.** Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm

1. Hình thức xử phạt chính, bao gồm:

a) Cảnh cáo: áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nhỏ, lần đầu, có tình tiết giảm nhẹ hoặc đối với mọi vi phạm hành chính do người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện. Cảnh cáo được quyết định bằng văn bản;

b) Phạt tiền: căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm để quyết định mức phạt tiền trong khung phạt tiền đã được quy định tại Nghị định này đối với từng hành vi vi phạm. Mức phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm là mức trung bình của khung phạt tiền đối với hành vi đó; nếu vi phạm có tình tiết giảm nhẹ thì mức phạt có thể giảm thấp hơn nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung phạt tiền; nếu vi phạm có tình tiết

tăng nặng thì mức phạt có thể tăng cao hơn nhưng không được tăng quá mức tối đa của khung phạt tiền.

2. Hình thức xử phạt bổ sung: tịch thu tang vật, phương tiện đã sử dụng gây ra vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm.

## Chương II

### CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ HÓA CHẤT NGUY HIỂM, HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT

**Điều 8.** Vi phạm quy định về nghiên cứu, thử nghiệm và sản xuất hóa chất nguy hiểm

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Để nguyên liệu hoặc sản phẩm hóa chất nguy hiểm tồn đọng quá mức quy định tại khu vực sản xuất;

b) Đóng gói hóa chất nguy hiểm sai quy cách đăng ký;

c) Hệ thống sổ sách, biểu mẫu sử dụng cho công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm hóa chất nguy hiểm không có hoặc không đúng theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:



a) Nghiên cứu, chế thử hóa chất nguy hiểm không theo đúng nội dung, điều kiện quy định trong đề án nghiên cứu đã được phê duyệt;

b) Đưa cơ sở sản xuất hóa chất nguy hiểm vào hoạt động khi chưa tổ chức nghiệm thu, bàn giao và chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận đủ điều kiện cho phép sản xuất hóa chất nguy hiểm;

c) Tổ chức sản xuất hóa chất nguy hiểm khi chưa khắc phục, bổ sung các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về điều kiện cho phép sản xuất;

d) Không có hoặc để hư hỏng nội quy, quy trình sản xuất, quy trình vận hành thiết bị tại các vị trí sản xuất theo quy định;

đ) Hệ thống thu hồi, tiếp địa không đạt các yêu cầu theo quy định;

e) Cắt bỏ hoặc làm hư hỏng các thiết bị, cơ cấu an toàn trang bị kèm theo thiết bị sản xuất hóa chất nguy hiểm;

g) Để người lao động vi phạm các quy định an toàn về phòng cháy, phòng nổ, phòng độc tại khu vực sản xuất.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Sản xuất hóa chất nguy hiểm không nằm trong danh mục hóa chất nguy hiểm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

b) Sử dụng nguyên liệu sản xuất hóa chất nguy hiểm kém phẩm chất hoặc nguyên liệu không rõ nguồn gốc;

c) Sản xuất không đúng loại sản phẩm hóa chất nguy hiểm đã đăng ký và được phép đưa vào sản xuất, sử dụng;

d) Nghiệm thu, thử nghiệm hóa chất nguy hiểm không đúng quy định hoặc cố tình làm sai lệch kết quả nghiệm thu, thử nghiệm;

đ) Không thực hiện hoặc không duy trì thường xuyên việc kiểm tra chất lượng sản phẩm hóa chất nguy hiểm.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Tổ chức nghiên cứu, chế thử hóa chất nguy hiểm khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, giao nhiệm vụ;

b) Sửa chữa, thay đổi kết cấu, cấu trúc bộ phận xây dựng nhà xưởng vi phạm các yêu cầu về che chắn bảo vệ bên trong nhà xưởng hoặc vi phạm các yêu cầu về lối thoát nạn, khả năng chịu lực, chịu lửa của công trình, vi phạm các tiêu chuẩn vệ sinh môi trường lao động;

c) Mở rộng mặt bằng khu vực sản xuất vi phạm các điều kiện về khoảng cách an toàn đối với công trình và khu dân cư lân cận;

d) Không có tường che chắn bảo vệ bên ngoài hoặc kết cấu tường che chắn



bảo vệ bên ngoài không đạt yêu cầu khi chưa đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định;

đ) Không kịp thời sửa chữa, khắc phục các hư hỏng về nhà xưởng sản xuất, kho chứa hóa chất nguy hiểm làm ảnh hưởng đến các điều kiện an toàn trong sản xuất, bảo quản hóa chất nguy hiểm.

5. Hình thức xử phạt bổ sung: tịch thu tang vật vi phạm đối với các hành vi quy định tại điểm a, b, khoản 3 Điều này.

6. Áp dụng các biện pháp khác:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính đối với các hành vi quy định tại điểm b, c, d khoản 4 Điều này;

b) Buộc khắc phục tình trạng không an toàn do vi phạm hành chính đối với các hành vi quy định tại điểm đ, e khoản 2; điểm đ khoản 4 Điều này.

**Điều 9.** Vi phạm các quy định về khai báo hóa chất nguy hiểm

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Do thiếu trách nhiệm hoặc các lỗi vô ý, không khai báo hoặc khai báo không đúng thực tế tên hóa chất, đặc tính cơ – hóa – lý, thành phần của hóa chất, nguồn gốc xuất xứ của hóa chất, khối lượng và mục đích thực hiện hóa chất nguy hiểm;

b) Không lưu giữ hồ sơ khai báo và tài

liệu liên quan đến xếp loại hóa chất nguy hiểm theo quy định;

c) Khi chấm dứt hoạt động hóa chất nguy hiểm không thông báo cho cơ quan tiếp nhận khai báo biết.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây: cố ý không khai báo hoặc dùng thủ đoạn gian dối khai báo không đúng thực tế tên hóa chất, đặc tính cơ – hóa – lý, thành phần của hóa chất, nguồn gốc xuất xứ của hóa chất, khối lượng và mục đích thực hiện hoạt động hóa chất nguy hiểm.

3. Áp dụng các biện pháp khác: buộc khắc phục tình trạng khai báo đúng thực tế; lưu giữ hồ sơ khai báo và tài liệu liên quan đến xếp loại hóa chất nguy hiểm theo quy định.

**Điều 10.** Vi phạm các quy định về đánh giá rủi ro hóa chất mới

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Không thiết lập và duy trì hệ thống giám sát, lập hồ sơ theo dõi các ảnh hưởng, tai nạn, sự cố liên quan đến hóa chất mới;

b) Không tổng hợp báo cáo định kỳ về ảnh hưởng của hóa chất mới theo quy định;

c) Không báo cáo kịp thời với cơ quan đánh giá rủi ro hóa chất mới về trường



hợp hóa chất mới phát sinh những biểu hiện nguy hiểm chưa được đánh giá.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây: do thiếu trách nhiệm hoặc các lỗi vô ý, không đăng ký đánh giá hóa chất mới theo quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây: cố ý không đăng ký đánh giá hoặc dùng thủ đoạn gian dối không đăng ký đánh giá hóa chất mới.

4. Áp dụng các biện pháp khác: buộc khắc phục tình trạng thiết lập và duy trì hệ thống giám sát, báo cáo, đăng ký theo quy định đối với các hành vi vi phạm tại điểm a, b, c khoản 1 và khoản 2 Điều này.

**Điều 11.** Vi phạm các quy định về phiếu an toàn hóa chất nguy hiểm

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây: do thiếu trách nhiệm hoặc vô ý để sai sót thông tin, nội dung của phiếu an toàn hóa chất nguy hiểm.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây: cố ý hoặc dùng thủ đoạn gian dối cung cấp thông tin, nội dung sai lệch của hóa

chất nguy hiểm trong phiếu an toàn hóa chất nguy hiểm.

3. Áp dụng các biện pháp khác: buộc khắc phục sai sót thông tin, nội dung của phiếu an toàn hóa chất nguy hiểm đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này.

**Điều 12.** Vi phạm các quy định về ghi nhãn hóa chất nguy hiểm

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây: không ghi nhãn hóa chất nguy hiểm.

2. Áp dụng các biện pháp khác: buộc khắc phục bổ sung ghi nhãn hóa chất nguy hiểm theo quy định về ghi nhãn hàng hóa của Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ.

**Điều 13.** Vi phạm quy định về bảo quản hóa chất nguy hiểm

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi không bố trí kho riêng hoặc không trang bị phương tiện cấp phát hóa chất nguy hiểm tại kho tiêu thụ.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện không đúng chế độ thống kê báo cáo, thủ tục xuất nhập kho hóa chất nguy hiểm;

b) Không thực hiện chế độ kiểm tra số



sách thống kê, báo cáo xuất nhập khẩu hóa chất nguy hiểm;

c) Không thiết lập các biển báo, ký hiệu cảnh báo nguy hiểm tại các khu vực bảo quản hóa chất nguy hiểm theo quy định.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Bảo quản hóa chất nguy hiểm vượt quá quy mô bảo quản của kho theo quy định;

b) Bảo quản hóa chất nguy hiểm thuộc các nhóm khác nhau trong cùng một không gian kho khi chưa có đủ các điều kiện an toàn theo quy định;

c) Không thực hiện công tác niêm phong, khóa cửa kho theo quy định.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Tập kết, xếp dỡ hoặc bảo quản hóa chất nguy hiểm tại địa điểm chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

b) Bảo quản hóa chất nguy hiểm tại kho chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm duyệt thiết kế hoặc chưa tổ chức nghiệm thu, bàn giao và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;

c) Trang bị thiếu hoặc không sửa chữa

kịp thời hệ thống thông tin liên lạc theo quy định;

d) Không xây dựng hoặc không sửa chữa kịp thời hàng rào kho bảo quản hóa chất nguy hiểm;

đ) Không duy trì, sửa chữa kịp thời các trạm canh gác, bảo vệ kho;

e) Không sửa chữa kịp thời các hư hỏng của hệ thống cung cấp điện, hệ thống chiếu sáng;

g) Không sửa chữa kịp thời các hư hỏng của kết cấu kho, tường che chắn bảo vệ;

h) Không sửa chữa hoặc không thực hiện chế độ kiểm tra, đo kiểm định kỳ hệ thống thu lôi tiếp địa chống sét;

i) Không thực hiện công tác xử lý hóa chất nguy hiểm quá hạn, hóa chất nguy hiểm mất phẩm chất;

k) Dự trữ hàng hóa chất nguy hiểm dự trữ quốc gia không đúng loại kho, địa điểm theo quy định;

l) Để hàng hóa chất nguy hiểm dự trữ quốc gia bị hư hỏng vượt quá định mức mà không có lý do chính đáng;

m) Vi phạm chế độ bảo mật về dự trữ quốc gia.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi mở rộng, cải tạo khu vực kho bảo quản hóa chất nguy hiểm vi phạm các yêu cầu về khoảng cách an toàn, vi



phạm các yêu cầu an toàn về phòng cháy, phòng nổ, phòng độc, phòng, chống lụt bão, lối thoát nạn.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi không xây dựng tường bảo vệ che chắn hoặc tường bảo vệ che chắn không đạt quy cách khi chưa đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định.

7. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi để thất thoát hóa chất nguy hiểm tại kho bảo quản hóa chất nguy hiểm.

8. Áp dụng các biện pháp khác:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính đối với các hành vi quy định tại khoản 5, 6 Điều này;

b) Buộc di chuyển hàng hóa chất nguy hiểm dự trữ đến kho, địa điểm theo quy định đối với hành vi vi phạm tại điểm k khoản 4 Điều này.

**Điều 14.** Vi phạm quy định về vận chuyển hóa chất nguy hiểm

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong những hành vi:

a) Có sự thay đổi điều kiện an toàn của phương tiện vận chuyển hóa chất

nguy hiểm nhưng không kịp thời khai báo theo quy định;

b) Không có biển báo xác định giới hạn khu vực bốc dỡ theo quy định.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi:

a) Không có biển báo, ký hiệu vận chuyển hóa chất nguy hiểm theo quy định;

b) Làm hư hỏng, rách nát Giấy phép vận chuyển hóa chất nguy hiểm;

c) Không bóc gỡ các loại biển báo, ký hiệu vận chuyển hóa chất nguy hiểm gắn trên phương tiện vận chuyển khi hóa chất nguy hiểm đã được bốc xếp khỏi phương tiện vận chuyển;

d) Trả Giấy phép vận chuyển hóa chất nguy hiểm nhưng không thể hiện đầy đủ nội dung khai báo, xác nhận theo quy định.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi:

a) Không có hoặc thiếu nhân viên áp tải theo quy định;

b) Nhân viên áp tải và người điều khiển phương tiện chưa đủ điều kiện theo quy định;

c) Điều khiển phương tiện vận tải chạy quá tốc độ quy định trong Giấy phép vận chuyển hóa chất nguy hiểm.



4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi:

a) Vận chuyển hóa chất nguy hiểm cùng với các loại hàng hóa không được phép vận chuyển theo quy định;

b) Chở người không có nhiệm vụ trên phương tiện vận chuyển hóa chất nguy hiểm;

c) Không tổ chức bảo vệ cảnh báo khi tiến hành bốc dỡ hóa chất nguy hiểm.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi:

a) Vận chuyển khối lượng hóa chất nguy hiểm vượt quá mức quy định trong Giấy phép;

b) Vận chuyển không đúng chủng loại hóa chất nguy hiểm quy định trong Giấy phép vận chuyển;

c) Vận chuyển hóa chất nguy hiểm thuộc các nhóm không được phép cùng vận chuyển theo quy định trên một phương tiện vận chuyển;

d) Vận chuyển hóa chất nguy hiểm trên các phương tiện chưa đủ điều kiện theo quy định.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi:

a) Vận chuyển hóa chất nguy hiểm không đúng tuyến đường quy định trong giấy phép vận chuyển;

b) Dùng đồ phương tiện vận chuyển hóa chất nguy hiểm ở những nơi không được phép theo quy định.

7. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân làm mất hóa chất nguy hiểm.

8. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vận chuyển hóa chất nguy hiểm không có Giấy phép vận chuyển hóa chất nguy hiểm theo quy định.

9. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu phần tang vật vi phạm vượt quá khối lượng cho phép vận chuyển đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5; tịch thu tang vật vi phạm đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép điều khiển phương tiện có thời hạn đến 01 năm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều này.

10. Áp dụng các biện pháp khác: buộc khắc phục tình trạng không an toàn do vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4; điểm c, d khoản 5 Điều này.

**Điều 15.** Vi phạm quy định về kinh doanh, cung ứng và xuất nhập khẩu hóa chất nguy hiểm

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến



3.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây: bán lại hóa chất nguy hiểm sử dụng không hết cho tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện sử dụng, kinh doanh hóa chất nguy hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi bán hóa chất nguy hiểm không nằm trong danh mục được phép sử dụng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố hàng năm.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng đơn vị trực thuộc không có tên trong giấy phép kinh doanh để kinh doanh, cung ứng hóa chất nguy hiểm;

b) Ký kết hợp đồng hoặc bán hóa chất nguy hiểm cho tổ chức, cá nhân sử dụng hóa chất nguy hiểm đã bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ hoạt động sử dụng hóa chất nguy hiểm;

c) Mua hóa chất nguy hiểm của tổ chức, cá nhân không được phép kinh doanh hóa chất nguy hiểm.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Xuất khẩu, nhập khẩu không đúng các chỉ tiêu kỹ thuật của thiết bị sản xuất, thử nghiệm hóa chất nguy hiểm quy định trong Giấy phép;

b) Xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất nguy hiểm không đúng chủng loại, chất lượng, số lượng hóa chất nguy hiểm quy định trong hợp đồng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép xuất, nhập khẩu.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi tư vấn sai, cung cấp thông tin sai trong các hoạt động tư vấn lập dự án sản xuất hóa chất nguy hiểm, lập phương án thiết kế sản xuất nhưng chưa tới mức gây hậu quả nghiêm trọng.

6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây: xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất nguy hiểm khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép xuất, nhập khẩu.

7. Hình thức xử phạt bổ sung: tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1; khoản 2; điểm c khoản 3 Điều này.

8. Áp dụng các biện pháp khác: buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất tang vật do hành vi vi phạm về nhập khẩu nêu tại khoản 4, khoản 6 Điều này theo quy định tại Điều 20 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

**Điều 16.** Vi phạm quy định về sử dụng hóa chất nguy hiểm

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi sử dụng



hóa chất nguy hiểm không đúng theo mục đích sử dụng.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Không có kế hoạch sử dụng hóa chất nguy hiểm được phê duyệt đối với sử dụng hóa chất nguy hiểm cần phê duyệt theo quy định;

b) Sử dụng hóa chất nguy hiểm không nằm trong danh mục hóa chất nguy hiểm được phép sử dụng;

c) Sử dụng hóa chất nguy hiểm quá hạn nhưng không thực hiện các quy định về kiểm tra bổ sung chất lượng hóa chất nguy hiểm hết hạn sử dụng.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Không kiểm tra chất lượng hóa chất nguy hiểm theo quy định trước khi sử dụng;

b) Sử dụng hóa chất nguy hiểm kém phẩm chất;

c) Không thực hiện đúng quy định về bảo quản hóa chất nguy hiểm tại nơi sử dụng;

d) Không quy định giới hạn vùng nguy hiểm trước khi tiến hành sử dụng hóa chất nguy hiểm;

đ) Không lập trạm gác bảo vệ hoặc không có ký hiệu, biển báo nguy hiểm tại ranh giới vùng nguy hiểm.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi:

a) Mở rộng trái phép khu vực sử dụng hóa chất nguy hiểm vi phạm khoảng cách an toàn cho công trình, khu vực dân cư lân cận;

b) Không thực hiện đúng các yêu cầu an toàn quy định trong sử dụng hóa chất nguy hiểm.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức có một trong các hành vi:

a) Sử dụng hóa chất nguy hiểm vi phạm hành lang bảo vệ công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình đường ống vận chuyển dầu khí; vi phạm các khu di tích lịch sử văn hóa hoặc các công trình quốc gia quan trọng khác;

b) Thay đổi chủng loại, số lượng hóa chất nguy hiểm hoặc phương pháp điều chế hóa chất nguy hiểm quy định tại nơi sản xuất đã được người có trách nhiệm ký duyệt.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi lợi dụng việc sử dụng hóa chất nguy hiểm để bớt xén, lấy cắp hóa chất nguy hiểm.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với các hành vi vi phạm quy



định tại điểm b, c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng hóa chất nguy hiểm có thời hạn đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 4, điểm a khoản 5 Điều này; tước quyền sử dụng hóa chất nguy hiểm không thời hạn đối với hành vi quy định tại khoản 6 Điều này.

8. Áp dụng các biện pháp khác: buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính đối với các hành vi quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

**Điều 17.** Vi phạm quy định về điều kiện của người làm công việc có liên quan đến các hoạt động hóa chất nguy hiểm

Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với các tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng cán bộ lãnh đạo công tác kinh doanh, sử dụng hóa chất nguy hiểm chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định hiện hành;

b) Sử dụng người lao động không có chuyên môn phù hợp theo quy định;

c) Sử dụng người lao động chưa được huấn luyện, đào tạo về quy trình kỹ thuật an toàn trong sản xuất, sử dụng, bảo quản, vận chuyển hóa chất nguy hiểm và kỹ thuật an toàn phòng độc, phòng, chống cháy nổ theo quy định;

d) Không tổ chức huấn luyện định kỳ, huấn luyện lại theo quy định đối với các đối tượng có liên quan trực tiếp đến công tác tiếp nhận, sản xuất, sử dụng, bảo quản, vận chuyển, thử nghiệm hóa chất nguy hiểm.

**Điều 18.** Vi phạm quy định về vành đai an toàn khu vực có hoạt động hóa chất nguy hiểm

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Tự ý ra vào, tụ họp trong phạm vi vùng nguy hiểm hoặc vành đai an toàn;

b) Chăn thả súc vật hoặc trồng hoa màu trong phạm vi vành đai an toàn.

2. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có các hành vi đốt lửa hoặc thải chất cháy, rác, chất ăn mòn, chất độc vào khu vực vành đai an toàn.

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi xê dịch cột mốc vành đai an toàn hoặc tự ý di chuyển các loại biển báo ký hiệu vùng nguy hiểm.

4. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Không có khoảng cách ngăn phòng độc, cháy hoặc không dọn, phát quang



cây dễ cháy trong khu vực vành đai an toàn;

b) Phá hoại hoặc làm hư hỏng hàng rào bảo vệ, tường che chắn an toàn khu vực kho bảo quản hóa chất nguy hiểm.

5. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi lấn chiếm đất xây dựng công trình trong phạm vi vành đai an toàn.

6. Hình thức xử phạt bổ sung: tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với các hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

7. Áp dụng các biện pháp khác: buộc tháo dỡ công trình xây dựng đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này.

**Điều 19.** Vi phạm về báo cáo an toàn hóa chất

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây: do thiếu trách nhiệm hoặc các lỗi vô ý chưa thực hiện báo cáo an toàn hóa chất theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây: cố ý không báo cáo hoặc dùng thủ đoạn gian dối không thực hiện báo cáo về an toàn hóa chất theo quy định.

3. Áp dụng các biện pháp khác: buộc thực hiện báo cáo an toàn hóa chất theo quy định.

**Điều 20.** Vi phạm quy định về công tác bảo vệ khu vực có hoạt động hóa chất nguy hiểm

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Tự ý cho người không có nhiệm vụ ra vào trong khu vực hoạt động hóa chất nguy hiểm;

b) Không thực hiện chế độ giao nhận khi bàn giao ca trực;

c) Bỏ trực hoặc không thực hiện chế độ canh gác, tuần tra trong ca trực;

d) Không báo cáo kịp thời các tình huống bất thường trong ca trực.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Không xây dựng nội quy, chế độ bảo vệ canh gác khu vực hoạt động hóa chất nguy hiểm;

b) Không thực hiện công tác kiểm tra việc canh gác, bảo vệ khu vực hoạt động hóa chất nguy hiểm theo quy định.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Không biên chế đủ lực lượng bảo vệ canh gác theo quy định;

b) Xây dựng, trang bị thiếu hoặc không



đúng, không đủ theo quy định các loại phương tiện, công trình bảo vệ canh gác khu vực hoạt động hóa chất nguy hiểm.

### Chương III

## THẨM QUYỀN VÀ THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ HÓA CHẤT NGUY HIỂM

**Điều 21.** Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường có quyền xử phạt đối với các hành vi quy định tại khoản 1, 2 Điều 18, gồm:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm có giá trị đến 500.000 đồng;
- d) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm gây ra.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi

phạm trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm;

d) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm gây ra;

đ) Buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép hoặc sai phép vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm;
- d) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm gây ra;
- đ) Buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép hoặc sai phép vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm;
- e) Buộc khắc phục tình trạng không an toàn do vi phạm hành chính gây ra;
- g) Buộc di chuyển hóa chất nguy hiểm dự trữ quốc gia do vi phạm hành chính gây ra đến kho, địa điểm theo quy định;
- h) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất theo quy định tại Điều



20 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

**Điều 22.** Thẩm quyền xử phạt của thanh tra chuyên ngành công nghiệp

Thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Công nghiệp có thẩm quyền xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm trong phạm vi cả nước. Thanh tra chuyên ngành thuộc Sở Công nghiệp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thẩm quyền xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính trong địa phương thuộc phạm vi quản lý.

Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm của thanh tra chuyên ngành được quy định cụ thể như sau:

1. Thanh tra viên chuyên ngành thuộc Bộ Công nghiệp, Sở Công nghiệp có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 200.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm có giá trị đến 2.000.000 đồng;
- d) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm gây ra;
- đ) Buộc khắc phục tình trạng không an toàn do vi phạm hành chính gây ra.

2. Chánh thanh tra Sở Công nghiệp có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm;

d) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm gây ra;

đ) Buộc khắc phục tình trạng không an toàn do hành vi vi phạm gây ra.

3. Chánh Thanh tra Bộ Công nghiệp có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm;

d) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm gây ra;

đ) Buộc khắc phục tình trạng không an toàn do hành vi vi phạm gây ra;

e) Buộc di chuyển hóa chất nguy hiểm dự trữ quốc gia do vi phạm hành chính gây ra đến kho, địa điểm theo quy định;

g) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất theo quy định tại Điều 20 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

**Điều 23.** Thẩm quyền xử phạt của các lực lượng khác

Ngoài những người quy định tại Điều 21 và Điều 22 Nghị định này, những



người có thẩm quyền thuộc các lực lượng công an, hải quan, quân đội và quản lý thị trường khi phát hiện các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm quy định trong Nghị định này thuộc thẩm quyền và địa bàn quản lý của mình thì có quyền xử phạt theo quy định tại các Điều 31, 32, 33, 34, 37, 38 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

**Điều 24.** Ủy quyền và nguyên tắc phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm

1. Ủy quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm được áp dụng theo quy định tại Điều 41 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm được áp dụng theo quy định tại Điều 42 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

**Điều 25.** Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm

1. Thủ tục, trình tự xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm thực hiện theo các quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 134/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 11 năm

2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

2. Các tài liệu liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm phải lưu giữ đầy đủ tại cơ quan xử phạt. Biên bản vi phạm hành chính được lập theo mẫu quy định của Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

3. Cá nhân, tổ chức bị phạt tiền phải nộp tiền phạt đúng thời hạn và tại nơi ghi trong quyết định xử phạt trừ trường hợp đã nộp tiền phạt tại chỗ theo quy định tại Điều 54 và Điều 58 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và được nhận biên lai thu tiền phạt.

4. Khi áp dụng hình thức tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm, người có thẩm quyền xử phạt phải thực hiện đúng các quy định tại Điều 60, Điều 61 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 32 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

**Điều 26.** Chấp hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định



xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm theo Nghị định này phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Nếu cá nhân, tổ chức bị xử phạt không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt theo quy định tại Điều 66 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và các quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của pháp luật.

2. Khi áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm, cơ quan và người có thẩm quyền phải tuân thủ trình tự, thủ tục cưỡng chế theo quy định tại Điều 66 và Điều 67 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và các quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của pháp luật.

#### Chương IV

### GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

**Điều 27.** Khiếu nại, tố cáo và giải

quyết khiếu nại, tố cáo đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại, khởi kiện về việc xử phạt đối với họ theo quy định của pháp luật.

2. Mọi công dân có quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm của cá nhân, tổ chức và tố cáo hành vi vi phạm của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm.

3. Thẩm quyền, thủ tục, trình tự, thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hành chính thực hiện theo các quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo và Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính (sửa đổi) ngày 05 tháng 01 năm 1999.

**Điều 28.** Xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền xử phạt và người bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm mà có hành vi sách nhiễu hoặc bao che cho người có



hành vi vi phạm; không xử lý hoặc xử lý không kịp thời, không đúng mức, xử lý vượt thẩm quyền quy định; chiếm đoạt, sử dụng trái phép tiền, tang vật, phương tiện có liên quan đến vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

2. Người bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm có hành vi chống lại người thi hành công vụ, trì hoãn, trốn tránh việc chấp hành quyết định xử phạt hoặc có những hành vi vi phạm khác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt theo những văn bản quy phạm pháp luật tương ứng về xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

## Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### **Điều 29.** Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

### **Điều 30.** Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công nghiệp có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng